hinelearn

HSK 2 · NGHE & NÓI · SỔ NGHE – GHI

Tai nghe, *tay ghi*

Chặng 1 · Tai quen câu dài hơn — Chặng 2 · Ba dạng câu nghe — Chặng 3 · Nghe rồi nói theo — Chặng 4 · Đề nghe thử

tīngxiěběn
听写本

Quét QR mở bài trên điện thoại, bấm nghe, tay ghi lên giấy: số, giờ, giá, đáp án, rồi chép chính tả. Tuần sau nghe lại cùng bài, so tờ cũ với tờ mới để thấy tai mình nhanh lên.

11	2	138	QR
bài nghe	đề nghe thử	câu nghe	mỗi bài

Cách dùng sổ

1. Quét QR ở đầu bài, mở đúng bài trên web.
2. Mỗi câu nghe tối đa hai lần.
3. Ghi bằng bút chì, nghe hết mới lật ngược dò đáp án.
4. Ghi số câu đúng vào ô tự chấm, tuần sau nghe lại.

Lộ trình

- [ ] **Bài 1** Phần nghe của đề HSK 2
- [ ] **Bài 2** Nghe chỗ và đường
- [ ] **Bài 3** Nghe việc đã qua, sắp tới
- [ ] **Ôn 1** Chỗ, đường và thời gian
- [ ] **Bài 4** Nghe câu, chọn tranh
- [ ] **Bài 5** Nghe hội thoại, ghép tranh
- [ ] **Bài 6** Nghe hội thoại, chọn đáp án
- [ ] **Bài 7** Bẫy: nghe thấy chưa chắc là đáp án
- [ ] **Ôn 2** Ba dạng nghe
- [ ] **Bài 8** Nhắc lại câu dài
- [ ] **Bài 9** Kể lại bằng ba câu
- [ ] **Đề thử 1** phần nghe
- [ ] **Đề thử 2** phần nghe

Quét để học trên điện thoại

Âm thanh nằm trên web, miễn phí.

hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2

1 BÀI 1 · QUÉT ĐỂ NGHE

Phần nghe của đề HSK 2

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/phan-nghe-de-hsk2

QUÉT ĐỂ NGHE

希 *Hine:* **Dùng lúc chờ.** Sau lượt 2 bạn có 8–15 giây. Đừng ngồi nghĩ lại câu vừa qua: chọn xong là nhìn ngay tranh hoặc lựa chọn của câu sau.

PHIẾU NGHE 3 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 3

A Người đàn ông đá bóng trên sân

B Người đàn ông lấy tay che một bên mắt, mặt nhăn

C Hai người ngồi ăn mì ở quán

D Cô gái gọi điện thoại bên cửa sổ

E Con chó ngủ dưới ghế

1	○ A Cô gái cầm cái áo đứng ở quầy cửa hàng	○ B Cô gái mặc thử áo trước gương	○ C Cô gái giặt áo trong chậu nước	đã nghe ☐ ☐
2	○ A	○ B	○ C	○ D ○ E đã nghe ☐ ☐
3	○ A zuò 坐 dìtiě 地铁	○ B zuò 坐 chūzūchē 出租车	○ C kāichē 开车	đã nghe ☐ ☐

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Mời nghe ví dụ.

PINYIN

Sau đây là phần thứ hai.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Qǐng tīng lìzi
请 听 例子。 ○ ○ ○
Mời nghe ví dụ.

Xiàmiàn shì dì-èr bùfen
下面 是 第二 部分。 ○ ○ ○
Sau đây là phần thứ hai.

Tīnglì kǎoshì xiànzài jiéshù
听力 考试 现在 结束。 ○ ○ ○
Phần thi nghe đến đây kết thúc.

ĐÁP ÁN 1. C · 2. B · 3. B — Chép: Qǐng tīng lìzi. 请听例子。 · Xiàmiàn shì dì-èr bùfen. 下面是第二部分。

2 BÀI 2 · QUÉT ĐỂ NGHE

Nghe chỗ và đường

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/nghe-cho-va-duong



希 *Hine:* Bên trái của ai?. zuǒbian 左边 (bên trái) / yòubian 右边 (bên phải) tính theo người nói. Trên sơ đồ, tính theo người đứng ở cổng trường nhìn lên: phía trên là qiánmiàn 前面 (phía trước), phía dưới là hòumiàn 后面 (phía sau).

PHIẾU NGHE 10 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 10

1	○ A ô ①	○ B ô ③	○ C ô ⑥	đã nghe ☐ ☐
2	○ A ô ①	○ B ô ②	○ C ô ④	đã nghe ☐ ☐
3	○ A ô ④	○ B ô ⑥	○ C ô ③	đã nghe ☐ ☐
4	○ A ô diànyǐngyuàn 电影院	○ B ô ⑦	○ C ô ⑧	đã nghe ☐ ☐
5	○ A ô ③	○ B ô ⑦	○ C ô ⑤	đã nghe ☐ ☐
6	○ A ô ④	○ B ô ⑤	○ C ô ⑥	đã nghe ☐ ☐
7	○ A ô ④	○ B ô ⑥	○ C ô ①	đã nghe ☐ ☐
8	○ A ô ①	○ B ô ②	○ C ô ⑥	đã nghe ☐ ☐
9	○ A ô ⑥	○ B ô ②	○ C ô ⑧	đã nghe ☐ ☐
10	○ A ô ④	○ B ô ⑥	○ C ô ②	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. A · 2. B · 3. C · 4. A · 5. B · 6. C · 7. A · 8. B · 9. C · 10. B

Nghe chỗ và đường · trang 2/2

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Ngân hàng ở cạnh siêu thị.

PINYIN

Đi thẳng, rồi rẽ phải.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Yínháng zài chāoshì pángbiān
银行 在 超市 旁边。

Ngân hàng ở cạnh siêu thị.

Wǎng qián zǒu, zài wǎng yòu
往 前 走，再 往 右。

Đi thẳng, rồi rẽ phải.

Dìtiě zhàn lí zhèr bù yuǎn
地铁 站 离 这儿 不 远。

Ga tàu điện ngầm cách đây không xa.

TUẦN SAU NGHE LẠI quét QR, làm lại phiếu nghe, ghi đáp án vào đây rồi so với lần đầu

LẦN 2 ___ / 10

1 _____ 2 _____ 3 _____ 4 _____ 5 _____ 6 _____ 7 _____

8 _____ 9 _____ 10 _____

Câu nào lần 1 sai mà lần 2 đúng? Câu nào vẫn nghe nhầm, nhầm thành gì?

ĐÁP ÁN Chép: Yínháng zài chāoshì pángbiān. 银行在超市旁边。 · Wǎng qián zǒu, zài wǎng yòu. 往前走，再往右。

3 BÀI 3 · QUÉT ĐỂ NGHE

Nghe việc đã qua, sắp tới

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/nghe-viec-da-qua-sap-toi



希 *Hine:* **Chữ nhỏ quyết định thời gian.** Tiếng Trung không đổi động từ theo thời gian như tiếng Anh. Việc đã xong, đã từng, đang hay sắp nằm ở mấy chữ nhỏ quanh động từ — phải nghe ra chúng dù được đọc rất nhẹ.

PHIẾU NGHE 12 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 12

1	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
2	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
3	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
4	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
5	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
6	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
7	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
8	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
9	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
10	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
11	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐
12	A đã xong	B đã từng	C đang	D sắp	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. A · 2. B · 3. C · 4. D · 5. B · 6. D · 7. A · 8. C · 9. A · 10. D · 11. C · 12. B

Nghe việc đã qua, sắp tới · trang 2/2

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Mình từng đi Bắc Kinh.

PINYIN

Phim sắp bắt đầu rồi.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Wǒ qùguo Běijīng
我 去过 北京。
Mình từng đi Bắc Kinh.

Diànyǐng kuàiyào kāishǐ le
电影 快要 开始 了。
Phim sắp bắt đầu rồi.

Wǒ shì zuò dìtiě lái de
我 是 坐 地铁 来 的。
Mình đến bằng tàu điện ngầm.

TUẦN SAU NGHE LẠI quét QR, làm lại phiếu nghe, ghi đáp án vào đây rồi so với lần đầu

LẦN 2 ___ / 12

1 ____ 2 ____ 3 ____ 4 ____ 5 ____ 6 ____ 7 ____

8 ____ 9 ____ 10 ____ 11 ____ 12 ____

Câu nào lần 1 sai mà lần 2 đúng? Câu nào vẫn nghe nhầm, nhầm thành gì?

ĐÁP ÁN Chép: Wǒ qùguo Běijīng. 我去过北京。 · Diànyǐng kuàiyào kāishǐ le. 电影快要开始了。

ÔN ÔN 1 · QUÉT ĐỂ NGHE

Chỗ, đường và thời gian

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/on-1-cho-duong-thoi-gian



PHIẾU NGHE 10 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 10

1	◯ A Con mèo nằm trên mặt bàn	◯ B Con mèo nằm dưới gầm bàn	◯ C Con mèo nằm trên ghế	đã nghe ☐ ☐
2	◯ A Một ngôi nhà nhỏ cạnh toà bệnh viện	◯ B Một ngôi nhà nhỏ cạnh trường học	◯ C Một ngôi nhà nhỏ cạnh siêu thị	đã nghe ☐ ☐
3	◯ A Mũi tên đi thẳng rồi rẽ trái	◯ B Mũi tên rẽ phải ngay từ đầu	◯ C Mũi tên đi thẳng rồi rẽ phải	đã nghe ☐ ☐
4	◯ A Chàng trai đứng chờ bên ngoài cổng	◯ B Chàng trai ngồi trong phòng	◯ C Chàng trai đứng trong cửa hàng	đã nghe ☐ ☐
5	◯ A Một người ngồi taxi trên đường dài	◯ B Một người đi bộ, bến xe buýt ngay phía trước	◯ C Một người ngồi trên tàu hoả	đã nghe ☐ ☐
6	◯ A sắp đi Bắc Kinh	◯ B đang ở Bắc Kinh	◯ C từng đi Bắc Kinh	đã nghe ☐ ☐
7	◯ A phim sắp bắt đầu	◯ B phim đã hết	◯ C phim đang chiếu	đã nghe ☐ ☐
8	◯ A đã ăn rồi	◯ B vẫn chưa ăn	◯ C đang ăn	đã nghe ☐ ☐
9	◯ A đến hôm qua	◯ B đến hôm nay	◯ C đến ngày mai	đã nghe ☐ ☐
10	◯ A đã ngủ dậy	◯ B sắp đi ngủ	◯ C đang ngủ	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. B · 2. A · 3. C · 4. A · 5. B · 6. C · 7. A · 8. B · 9. A · 10. C

Ôn 1 · Chỗ, đường và thời gian · trang 2/2

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Đi thẳng, rồi rẽ phải.

PINYIN

Mình từng đi Bắc Kinh.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Wǎng qián zǒu, zài wǎng yòu
往 前 走，再 往 右。

Đi thẳng, rồi rẽ phải.

Wǒ qùguo Běijīng
我 去过 北京。

Mình từng đi Bắc Kinh.

Diànyǐng kuàiyào kāishǐ le
电影 快要 开始 了。

Phim sắp bắt đầu rồi. (đã học ở Nghe chỗ và đường, Nghe việc đã qua, sắp tới)

TUẦN SAU NGHE LẠI quét QR, làm lại phiếu nghe, ghi đáp án vào đây rồi so với lần đầu

LẦN 2 ___ / 10

1 _____ 2 _____ 3 _____ 4 _____ 5 _____ 6 _____ 7 _____

8 _____ 9 _____ 10 _____

Câu nào lần 1 sai mà lần 2 đúng? Câu nào vẫn nghe nhầm, nhầm thành gì?

ĐÁP ÁN Chép: Wǎng qián zǒu, zài wǎng yòu. 往前走，再往右。 · Wǒ qùguo Běijīng. 我去过北京。

4 BÀI 4 · QUÉT ĐỂ NGHE

Nghe câu, chọn tranh

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/nghe-cau-chon-tranh



希 *Hine:* **Tìm chỗ khác trước khi nghe.** Dạng nghe 1 (câu 1–5): mỗi câu một người nói, 6–14 chữ; 3 tranh A/B/C; nghe 2 lần, chờ khoảng 8 giây. 3 tranh thường khác ở MỘT chỗ: người (nam / nữ, già / trẻ), việc (ăn / uống / ngủ), vật, số, thời tiết → nhìn tranh, gọi thầm chỗ khác.

PHIẾU NGHE 10 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 10

1	A Con mèo ngủ trên giường	B Con mèo cuộn tròn ngủ trên ghế	C Con mèo ngủ dưới gầm bàn	đã nghe ☐ ☐
2	A Trời nắng, cô gái đội mũ ra cửa	B Trời mưa, cô gái cầm áo khoác ra cửa	C Trời mưa, cô gái cầm ô ra cửa	đã nghe ☐ ☐
3	A Chàng trai chạy bộ trên đường lúc mặt trời mọc	B Chàng trai bơi ở bể bơi	C Chàng trai chạy bộ lúc trời tối	đã nghe ☐ ☐
4	A Cô gái mặc áo vừa vặn, mỉm cười	B Cô gái mặc áo dài quá, tay áo che hết bàn tay	C Cô gái mặc áo ngắn quá, hở bụng	đã nghe ☐ ☐
5	A Một cốc cà phê trên bàn	B Ba cốc cà phê trên bàn	C Hai cốc cà phê trên bàn	đã nghe ☐ ☐
6	A Ông cụ ngồi uống trà	B Cô gái trẻ ngồi uống trà	C Ông cụ ngồi đọc sách	đã nghe ☐ ☐
7	A Một người bước xuống tàu hoả	B Một người kéo va li đi ra từ máy bay	C Một người bước ra khỏi taxi	đã nghe ☐ ☐
8	A Con mèo ngồi ở cửa	B Con chó nằm trong phòng	C Con chó con ngồi chờ ở cửa	đã nghe ☐ ☐
9	A Tuyết rơi, một người mặc áo dày đi trên đường	B Trời mưa, một người cầm ô	C Trời nắng, một người mặc áo cộc	đã nghe ☐ ☐
10	A Hai quả táo trên bàn	B Ba quả táo trên bàn	C Bốn quả táo trên bàn	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. B · 2. C · 3. A · 4. B · 5. C · 6. A · 7. B · 8. C · 9. A · 10. B

Nghe câu, chọn tranh · trang 2/2

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Cô ấy đang gọi điện.

PINYIN

Ngoài trời mưa rồi, đừng quên ô.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Tā zài dǎ diànhuà ne
她 在 打 电话 呢。 ○○○

Cô ấy đang gọi điện.

Wàimiàn xià yǔ le, bié wàngle sǎn
外面 下 雨 了，别 忘了 伞。 ○○○

Ngoài trời mưa rồi, đừng quên ô.

Zhuōzi shang yǒu liǎng bēi kāfēi
桌子 上 有 两 杯 咖啡。 ○○○

Trên bàn có hai cốc cà phê.

TUẦN SAU NGHE LẠI quét QR, làm lại phiếu nghe, ghi đáp án vào đây rồi so với lần đầu

LẦN 2 ___ / 10

1 _____ 2 _____ 3 _____ 4 _____ 5 _____ 6 _____ 7 _____

8 _____ 9 _____ 10 _____

Câu nào lần 1 sai mà lần 2 đúng? Câu nào vẫn nghe nhầm, nhầm thành gì?

ĐÁP ÁN Chép: Tā zài dǎ diànhuà ne. 她在打电话呢。 · Wàimiàn xià yǔ le, bié wàngle sǎn. 外面下雨了，别忘了伞。

5 BÀI 5 · QUÉT ĐỂ NGHE

Nghe hội thoại, ghép tranh

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/nghe-hoi-thoai-ghep-tranh



希 *Hine:* **Nghe hết hai câu mới chọn.** Dạng nghe 2 (câu 6–15): 2 nhóm; nhóm 1 sáu tranh A–F, ví dụ + 5 câu; nhóm 2 năm tranh A–E, 5 câu. Mỗi hội thoại 1 câu nam + 1 câu nữ (lúc nam trước, lúc nữ trước); nghe 2 lần, chờ khoảng 12 giây. Trước khi nghe nhóm câu, nhìn từng tranh, gọi thầm "ai, ở đâu, làm gì".

PHIẾU NGHE 10 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 10

A Cô gái lật gối trên giường tìm đồ

B Người bán đưa một quả dưa hấu lớn cho khách ở sạp

C Bác sĩ áo trắng hỏi chuyện một cô gái đang ôm trán

D Người đàn ông đứng ở nhà ga, nhìn đồng hồ lớn trên tường

~~E Cô gái cầm cốc trà sữa có ống hút~~

F Hai chàng trai đá bóng trên sân

A Người phục vụ cầm sổ ghi món cho hai vị khách ở quán

B Cô gái chỉ tay về phía trước, chỉ đường cho một chàng trai

C Chàng trai đưa quyển sách cho cô gái

D Cô gái đưa hộp quà buộc nơ cho chàng trai

E Một người đứng dưới mái hiên nhìn trời mưa

1	○ A	○ B	○ C	○ D	○ F	đã nghe ☐ ☐
2	○ A	○ B	○ C	○ D	○ F	đã nghe ☐ ☐
3	○ A	○ B	○ C	○ D	○ F	đã nghe ☐ ☐
4	○ A	○ B	○ C	○ D	○ F	đã nghe ☐ ☐
5	○ A	○ B	○ C	○ D	○ F	đã nghe ☐ ☐
6	○ A	○ B	○ C	○ D	○ E	đã nghe ☐ ☐
7	○ A	○ B	○ C	○ D	○ E	đã nghe ☐ ☐
8	○ A	○ B	○ C	○ D	○ E	đã nghe ☐ ☐
9	○ A	○ B	○ C	○ D	○ E	đã nghe ☐ ☐
10	○ A	○ B	○ C	○ D	○ E	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. C · 2. A · 3. F · 4. B · 5. D · 6. E · 7. A · 8. D · 9. B · 10. C

Nghe hội thoại, ghép tranh · trang 2/2

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Nam: Bạn đang tìm gì thế? Nữ: Điện thoại của mình.

PINYIN

Nữ: Dưa hấu này bán thế nào? Nam: Ba đồng một cân.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Nán Nǐ zài zhǎo shénme
男：你在找什么？
Nǚ Wǒ de shǒujī
女：我的手机。

Nam: Bạn đang tìm gì thế? Nữ: Điện thoại của mình.

Nǚ Zhège xīguā zěnme
女：这个西瓜怎么
mài Nán Sān kuài qián yì
卖？男：三块钱一
jīn
斤。

Nữ: Dưa hấu này bán thế nào? Nam: Ba đồng một cân.

Nán Nǐ nǎr bù shūfu
男：你哪儿不舒服？
Nǚ Wǒ tóu téng
女：我头疼。

Nam: Bạn khó chịu ở đâu? Nữ: Mình đau đầu.

TUẦN SAU NGHE LẠI quét QR, làm lại phiếu nghe, ghi đáp án vào đây rồi so với lần đầu

LẦN 2 ___ / 10

1 _____ 2 _____ 3 _____ 4 _____ 5 _____ 6 _____ 7 _____

8 _____ 9 _____ 10 _____

Câu nào lần 1 sai mà lần 2 đúng? Câu nào vẫn nghe nhầm, nhầm thành gì?

ĐÁP ÁN Chép: Nán：Nǐ zài zhǎo shénme? Nǚ：Wǒ de shǒujī. 男：你在找什么？女：我的手机。· Nǚ：Zhège xīguā zěnme mài? Nán：Sān kuài qián yì jīn. 女：这个西瓜怎么卖？男：三块钱一斤。

6 BÀI 6 · QUÉT ĐỂ NGHE

Nghe hội thoại, chọn đáp án

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/nghe-hoi-thoai-chon-dap-an



希 *Hine:* **Đọc lựa chọn trước, nghe câu hỏi hỏi ai.** Dạng nghe 3 (câu 16–25): 10 câu (+ ví dụ), mỗi câu 1 câu nam + 1 câu nữ + câu hỏi 问 (wèn) (giọng khác); lựa chọn in chữ có pinyin, cụm 2–5 chữ; nghe 2 lần, chờ khoảng 15 giây. Đọc 3 lựa chọn trước (5 giây là đủ), đoán kiểu câu hỏi.

PHIẾU NGHE 8 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 8

1	A xuéxiào 学校	B yīyuàn 医院	C péngyou jiā 朋友 家	đã nghe ☐ ☐
2	A bā diǎn 八 点	B bā diǎn bàn 八 点 半	C jiǔ diǎn 九 点	đã nghe ☐ ☐
3	A lǎoshī 老师	B yīshēng 医生	C sījī 司机	đã nghe ☐ ☐
4	A kāfēi diàn 咖啡 店	B yīyuàn 医院	C jīchǎng 机场	đã nghe ☐ ☐
5	A niúnǎi 牛奶	B yīfu 衣服	C píngguǒ hé miànbāo 苹果 和 面包	đã nghe ☐ ☐
6	A jiějie 姐姐	B mèimei 妹妹	C māma 妈妈	đã nghe ☐ ☐
7	A hěn lèi 很 累	B tóu téng 头 疼	C shēngbìng le 生 病 了	đã nghe ☐ ☐
8	A yùndòng 运动	B kàn diànyǐng 看 电影	C kàn shū 看 书	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. B · 2. B · 3. C · 4. A · 5. C · 6. A · 7. A · 8. B

Nghe hội thoại, chọn đáp án · trang 2/2

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Hỏi: Người nữ định đi đâu?

PINYIN

Hỏi: Người nam làm nghề gì?

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Wèn Nǚ de yào qù nǎr
问：女的要去哪儿？

Hỏi: Người nữ định đi đâu?

Wèn Nán de shì zuò shénme de
问：男的是做什么的？

Hỏi: Người nam làm nghề gì?

Wèn Tāmen zuì kěnéng zài nǎr
问：他们最可能在哪儿？

Hỏi: Họ có khả năng đang ở đâu nhất?

TUẦN SAU NGHE LẠI quét QR, làm lại phiếu nghe, ghi đáp án vào đây rồi so với lần đầu

LẦN 2 ___ / 8

1 _____ 2 _____ 3 _____ 4 _____ 5 _____ 6 _____ 7 _____ 8 _____

Câu nào lần 1 sai mà lần 2 đúng? Câu nào vẫn nghe nhầm, nhầm thành gì?

ĐÁP ÁN Chép: Wèn：Nǚ de yào qù nǎr? 问：女的要去哪儿？ · Wèn：Nán de shì zuò shénme de? 问：男的是做什么的？

7 BÀI 7 · QUÉT ĐỂ NGHE

Bẫy: nghe thấy chưa chắc là đáp án

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/bay-nghe-thay-chua-chac-dap-an



希 *Hine:* **Bốn bẫy.** Ở dạng 2 và 3, lựa chọn sai thường cũng là từ có trong hội thoại. Nghe thấy chưa chắc là đáp án — bốn bẫy dưới đây chiếm gần hết câu sai.

PHIẾU NGHE 10 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 10

A Cô gái đi bộ trên vỉa hè, phía sau là bến xe buýt

B Cô gái nằm trên giường đắp chăn, cạnh gối có cốc nước

C Hai người ngồi ăn mì ở quán

D Cô gái mặc thử áo khoác, chàng trai bên cạnh giơ ngón cái

E Hai chàng trai đá bóng trên sân

1	○ A yīyuàn 医院	○ B xuéxiào 学校	○ C shāngdiàn 商店	đã nghe ☐ ☐
2	○ A mǎile liǎng jiàn 买了 两 件	○ B mǎile yí jiàn 买了 一 件	○ C méi mǎi 没 买	đã nghe ☐ ☐
3	○ A kǎoshì 考试	○ B qù nán de jiā 去 男 的 家	○ C zài jiā xiūxi 在 家 休息	đã nghe ☐ ☐
4	○ A kāfēi 咖啡	○ B niúnǎi 牛奶	○ C chá 茶	đã nghe ☐ ☐
5	○ A jīntiān 今天	○ B míngtiān 明天	○ C xià gè xīngqī 下 个 星期	đã nghe ☐ ☐
6	○ A tā mèimei 他 妹妹	○ B nán de 男 的	○ C nǚ de 女 的	đã nghe ☐ ☐
7	○ A	○ B	○ C	○ D ○ E	đã nghe ☐ ☐
8	○ A	○ B	○ C	○ D ○ E	đã nghe ☐ ☐
9	○ A	○ B	○ C	○ D ○ E	đã nghe ☐ ☐
10	○ A	○ B	○ C	○ D ○ E	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. B · 2. C · 3. A · 4. C · 5. B · 6. A · 7. B · 8. C · 9. D · 10. A

Bẫy: nghe thấy chưa chắc là đáp án · trang 2/2

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Mình định đi, nhưng bận quá.

PINYIN

Không phải hôm nay, là ngày mai.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Wǒ běnlái xiǎng qù dànshì tài máng le
我 本来 想 去， 但是 太 忙 了。

Mình định đi, nhưng bận quá.

Bú shì jīntiān shì míngtiān
不 是 今天， 是 明天。

Không phải hôm nay, là ngày mai.

Wǒ méi qù wǒ mèimei qù le
我 没 去， 我 妹妹 去 了。

Mình không đi, em gái mình đi.

TUẦN SAU NGHE LẠI quét QR, làm lại phiếu nghe, ghi đáp án vào đây rồi so với lần đầu

LẦN 2 ___ / 10

1 ____ 2 ____ 3 ____ 4 ____ 5 ____ 6 ____ 7 ____

8 ____ 9 ____ 10 ____

Câu nào lần 1 sai mà lần 2 đúng? Câu nào vẫn nghe nhầm, nhầm thành gì?

ĐÁP ÁN Chép: Wǒ běnlái xiǎng qù, dànshì tài máng le. 我本来想去，但是太忙了。 · Bú shì jīntiān, shì míngtiān. 不是今天，是明天。

ÔN ÔN 2 · QUÉT ĐỂ NGHE

Ba dạng nghe

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/on-2-ba-dang-nghe

QUÉT ĐỂ NGHE

PHIẾU NGHE 15 câu · nghe câu nào, ghi hàng đó

TỰ CHẤM ___ / 15

A Chàng trai chạy bộ buổi sáng

B Người đàn ông mở cửa mời một cô gái vào nhà

C Cô gái ngồi trước máy tính, mua đồ trên mạng

D Chàng trai ngồi cạnh một con chó nhỏ

E Người bán thuốc đưa hộp thuốc qua quầy

1	○ **A** Hai cốc cà phê trên bàn	○ **B** Một cốc cà phê trên bàn	○ **C** Ba cốc cà phê trên bàn	đã nghe ☐ ☐
2	○ **A** Người mẹ đang giặt quần áo	○ **B** Người mẹ ngồi xem ti vi	○ **C** Người mẹ đứng bếp nấu cơm	đã nghe ☐ ☐
3	○ **A** Người đàn ông lái ô tô	○ **B** Người đàn ông bước lên xe buýt	○ **C** Người đàn ông đi bộ trên vỉa hè	đã nghe ☐ ☐
4	○ **A** Tuyết rơi ngoài cửa sổ	○ **B** Mưa rơi ngoài cửa sổ	○ **C** Nắng chiếu ngoài cửa sổ	đã nghe ☐ ☐
5	○ **A** Một quả táo nhỏ trên bàn tay	○ **B** Một quả lê to trên bàn tay	○ **C** Một quả táo rất to, hai tay ôm	đã nghe ☐ ☐
6	○ A ○ B ○ C ○ D ○ E			đã nghe ☐ ☐
7	○ A ○ B ○ C ○ D ○ E			đã nghe ☐ ☐
8	○ A ○ B ○ C ○ D ○ E			đã nghe ☐ ☐
9	○ A ○ B ○ C ○ D ○ E			đã nghe ☐ ☐
10	○ A ○ B ○ C ○ D ○ E			đã nghe ☐ ☐
11	○ **A** shí diǎn 十 点	○ **B** shíyī diǎn 十一 点	○ **C** shí'èr diǎn 十二 点	đã nghe ☐ ☐
12	○ **A** jīchǎng 机场	○ **B** nǚ de jiā 女 的 家	○ **C** xuéxiào 学校	đã nghe ☐ ☐
13	○ **A** yìqiān 一千	○ **B** yìqiān èr 一千 二	○ **C** yìqiān wǔ 一千 五	đã nghe ☐ ☐
14	○ **A** tā de tóngxué 他 的 同学	○ **B** tā de gēge 他 的 哥哥	○ **C** tā tóngxué de gēge 他 同学 的 哥哥	đã nghe ☐ ☐

ĐÁP ÁN 1. A · 2. C · 3. B · 4. A · 5. C · 6. C · 7. A · 8. E · 9. B · 10. D · 11. B · 12. A · 13. B · 14. C

Ôn 2 · Ba dạng nghe · trang 2/2

PHIẾU NGHE · TIẾP câu 15–15

15 ○ A chá 茶 ○ B kāfēi 咖啡 ○ C niúnǎi 牛奶 đã nghe ☐ ☐

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Hỏi: Người nữ định đi đâu?

PINYIN

Không phải hôm nay, là ngày mai.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Wèn Nǚ de yào qù nǎr
问：女的要去哪儿？ ○ ○ ○

Hỏi: Người nữ định đi đâu?

Bú shì jīntiān shì míngtiān
不是今天，是明天。 ○ ○ ○

Không phải hôm nay, là ngày mai.

Zhuōzi shang yǒu liǎng bēi kāfēi
桌子上有两杯咖啡。 ○ ○ ○

Trên bàn có hai cốc cà phê. (đã học ở Nghe câu, chọn tranh, Nghe hội thoại, chọn đáp án, Bẫy: nghe thấy chưa chắc là đáp án)

ĐÁP ÁN 15. A — Chép: Wèn：Nǚ de yào qù nǎr? 问：女的要去哪儿？ · Bú shì jīntiān, shì míngtiān. 不是今天，是明天。

8 BÀI 8 · QUÉT ĐỂ NGHE

Nhắc lại câu dài

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/nhac-lai-cau-dai



希 *Hine:* **Nhại theo ba bước.** Cách luyện (nhại theo, 3 bước): nghe cả câu, nhìn chữ có vạch ngắt cụm → nhắc lại từng cụm → nhắc cả câu không nhìn chữ, thu âm, nghe lại so với mẫu. Giọng máy, mỗi câu có nút nghe chậm.

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Tối nào mình cũng tới thư viện đọc sách.

PINYIN

Bạn nói nhanh quá, nói lại lần nữa nhé.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Wǒ měi tiān wǎnshang dōu qù
我 每 天 晚上 / 都 去
túshūguǎn kàn shū
图书馆 / 看 书。

Tối nào mình cũng tới thư viện đọc sách.

Nǐ shuō de tài kuài le , / qǐng
你 说 得 太 快 了 ， / 请
zài shuō yí biàn
再 说 一 遍。

Bạn nói nhanh quá, nói lại lần nữa nhé.

Xià gè xīngqīliù wǒmen /
下 个 星期六 / 我们 /
kǎo Hànyǔ
考 汉语。

Thứ Bảy tuần sau bọn mình thi tiếng Trung.

ĐÁP ÁN Chép: Wǒ měi tiān wǎnshang / dōu qù túshūguǎn / kàn shū. 我每天晚上 / 都去图书馆 / 看书。 · Nǐ shuō de tài kuài le, / qǐng zài shuō yí biàn. 你说得太快了， / 请再说一遍。

9 BÀI 9 · QUÉT ĐỂ NGHE

Kể lại bằng ba câu

Mỗi câu nghe tối đa hai lần, ghi bằng bút chì · hinelearn.com/chinese/nghe-noi-hsk2/ke-lai-bang-ba-cau



希 *Hine:* **Ai · làm gì · vì sao.** Cách kể: câu 1 ai + việc chính · câu 2 vì sao (因为 yīnwèi … 所以 suǒyǐ hoặc 因为 yīnwèi .....) · câu 3 khi nào / sau đó thế nào; đổi 我 wǒ / 你 nǐ trong hội thoại thành tên người hoặc 他 tā / 她 tā.

CHÉP CHÍNH TẢ nghe câu trên web, ghi pinyin rồi chữ

Mai Tiểu Vương về nước.

PINYIN

Vì mẹ bạn ấy bị ốm nên bạn ấy phải về nhà sớm.

PINYIN

NHẠI THEO tô một vòng mỗi lần

Xiǎo Wáng míngtiān huí guó
小 王 明天 回 国。

Mai Tiểu Vương về nước.

Yīnwèi tā māma shēngbìng le
因为 她 妈妈 生 病 了，
suǒyǐ tā yào zǎo diǎnr huí jiā
所以 她 要 早 点儿 回 家。

Vì mẹ bạn ấy bị ốm nên bạn ấy phải về nhà sớm.

Tā shuō Chūnjié yǐhòu huílai
她 说 春节 以后 回来。

Bạn ấy nói sau Tết sẽ quay lại.

ĐÁP ÁN Chép: Xiǎo Wáng míngtiān huí guó. 小王明天回国。 · Yīnwèi tā māma shēngbìng le, suǒyǐ tā yào zǎo diǎnr huí jiā. 因为她妈妈生病了，所以她要早点儿回家。

听 ĐỀ THỬ 1

25 câu, *mỗi câu nghe hai lần*

Quét QR, làm cả đề một mạch, đừng dừng giữa chừng, như ngày thi. Lựa chọn và tranh xem trên điện thoại.



Phần 1 · nghe câu, chọn tranh

1	A	B	C		
2	A	B	C		
3	A	B	C		
4	A	B	C		
5	A	B	C		

Phần 2 · hội thoại, chọn tranh

6	A	B	C	D	E
7	A	B	C	D	E
8	A	B	C	D	E
9	A	B	C	D	E
10	A	B	C	D	E
11	A	B	C	D	E
12	A	B	C	D	E
13	A	B	C	D	E
14	A	B	C	D	E
15	A	B	C	D	E

Phần 3 · nghe đoạn, trả lời

16	A	B	C
17	A	B	C
18	A	B	C
19	A	B	C
20	A	B	C
21	A	B	C
22	A	B	C
23	A	B	C
24	A	B	C
25	A	B	C

NHẬT KÝ TAI nghe lại đề này mỗi tuần, ghi số câu đúng

Tuần 1

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tuần 2

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tuần 3

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tuần 4

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tô một ô cho mỗi câu đúng: bốn thanh dài dần là tai bạn đang nhanh lên.

CÂU NÀO SAI, GHI LẠI nghe lại câu đó trên web, chép điều nghe được

ĐÁP ÁN 1 B · 2 A · 3 C · 4 B · 5 C · 6 E · 7 A · 8 C · 9 D · 10 B · 11 B · 12 C · 13 D · 14 A · 15 E · 16 A · 17 B · 18 A · 19 C · 20 B · 21 A · 22 B · 23 C · 24 B · 25 C

听 ĐỀ THỬ 2

25 câu, *mỗi câu nghe hai lần*

Quét QR, làm cả đề một mạch, đừng dừng giữa chừng, như ngày thi. Lựa chọn và tranh xem trên điện thoại.



Phần 1 · nghe câu, chọn tranh

1	A	B	C	
2	A	B	C	
3	A	B	C	
4	A	B	C	
5	A	B	C	

Phần 2 · hội thoại, chọn tranh

6	A	B	C	D	E
7	A	B	C	D	E
8	A	B	C	D	E
9	A	B	C	D	E
10	A	B	C	D	E
11	A	B	C	D	E
12	A	B	C	D	E
13	A	B	C	D	E
14	A	B	C	D	E
15	A	B	C	D	E

Phần 3 · nghe đoạn, trả lời

16	A	B	C
17	A	B	C
18	A	B	C
19	A	B	C
20	A	B	C
21	A	B	C
22	A	B	C
23	A	B	C
24	A	B	C
25	A	B	C

NHẬT KÝ TAI nghe lại đề này mỗi tuần, ghi số câu đúng

Tuần 1

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tuần 2

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tuần 3

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tuần 4

☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐
☐☐☐☐☐

___ / 25

Tô một ô cho mỗi câu đúng: bốn thanh dài dần là tai bạn đang nhanh lên.

CÂU NÀO SAI, GHI LẠI nghe lại câu đó trên web, chép điều nghe được

ĐÁP ÁN 1 B · 2 C · 3 A · 4 B · 5 A · 6 C · 7 E · 8 A · 9 D · 10 B · 11 D · 12 A · 13 E · 14 B · 15 C · 16 B · 17 A · 18 C · 19 A · 20 B · 21 C · 22 A · 23 C · 24 B · 25 B